

INTAKE FORM (Two copies)

MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-Nhan) LE HUU HIEP
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH: JULY 10 1945
 (Nam, Noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): XX Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (doc than): _____ Married (Co lap gia dinh) XX
 (Tinh trang gia dinh)

ADDRESS IN VIETNAM : To 50, My Long, My Hoa Hung, Thi Xa Long Xuyen,
 (Dia chi tai viet-Nam) An Giang, Viet Nam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) XX No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (tu): 5/1/75 to (Den): 4/20/83

PLACE OF RE-EDUCATION: 8 different re-education camps plus restricted
 CAMP (Trai tu) probation at home. (see lists attached)

PROFESSION (Nghe Nghiep): Nursery planter/Nurse (no license)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): None

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Second Lieutenant/Intelligence

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
 Date (Nam): 5/68-4/75

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): xx

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 1
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiet.

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): To 50, My Hoa Hung, Thi Xa
Long Xuyen, Tinh An Giang, Viet Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va dia chi than nhan hay nguoi bao tr:
Phillip Tan Nguyen,

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): xx No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Best friend

NAME & SIGNATURE: Phillip Tan Nguyen

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT _____
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Phillip Tan
Nguyen,

DATE: September 17 1990
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Sworn to and subscribed before me this 17th day of September in the City
 of Hampton VA.

Notary Public

September 17, 1990

Barbara G. Langille
 My commission expires June 29, 1992

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICAT (PA): LE, HIEP HUU
(List on pare l)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES: DATE OF BIRTH: RELATIONSHIP TO
PA
NGUYEN, PHUOC THI 1957 WIFE

DEPENDENT'S ADDRESS: (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION:

Còn không biết
đến anh của tôi.
Em gọi để anh
thì anh ở mãi
anh gọi anh như
cái tên nhà anh
gọi. Tên này
ở tù lắm rồi phải.
Hẹn gọi anh sau.

Lean
Chinck (aka
gas stop Thick skin)

INTAKE FORM (Two copies)

MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-Nhan) LE HUU HIEP
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH: LULY 10 1945
 (Nam, Noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): XXX Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (doc than): _____ Married (Co lap gia dinh) XX
 (Tinh trang gia dinh)

ADDRESS IN VIETNAM : To 50, My Long, My Hoa Hung, Thi Xa Long Xuyen
 (Dia chi tai viet-Nam) An Giang, Vietnam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (tu): 5/1/75 to (Den): 4/20/83

PLACE OF RE-EDUCATION: 8 different re-education camps plus restricted
 CAMP (Trai tu) probation at home. (see lists attached)

PROFESSION (Nghe Nghiep): Nursery planter/medicine nurse (no license)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): None

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Second Lieutenant/Intelligence

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
 Date (Nam): 5/68-4/75

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): XX

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 1
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiet.

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): To 50 My Hoa Hung
Thi Xa Long Xuyen, Tinh An Giang, Viet Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va dia chi than nhan hay nguoi bao tr.
Phillip Tan Nguyen

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): XX No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: Phillip Tan Nguyen

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT _____
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Phillip T. Nguyen

DATE: September 17 1990
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Sworn to and subscribed before me this 17th day of September, in the City
 of Hampton VA.

Notary Public

September 17, 1990

Barbara J. Longille
 My commission expires June 29, 1992

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICAT (PA): LE, HIEP HUU
(List on pare 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES: DATE OF BIRTH: RELATIONSHIP TO
PA
NGUYEN, PHUOC THI 1957 WIFE

DEPENDENT'S ADDRESS: (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION:

Questionnaire for ex-political prisoner in VIETNAM

I Basic informations applicants in VIETNAM



1. full name of ex-political prisoner: LÊ HỮU HIẾP
first name: HỮU HIẾP
2. Date / place of birth: July 10th 1945
at Mỹ-Huê Hving village, Châu Thành Section,
An Giang province
3. position / rank before April 1975
- rank: Second lieutenant
- function: Section chief S2
in 2nd B. Unit. Xuân Hưng Section Chuông -
Thien Province.
Serial number: 65/570.865
Month / Date / leave out of camp
April 09 1982.
5. time in reeducation: 8 years 9 months -
11 days central camp 7 years, 9 months,
11 days + 1 year 0 month, 11 days prisoned
at An Lo.
(photocopy Decision of liberation)
6. relation address:
ĐD: Vĩnh An Giang, 12 Lê Minh Xuân, thị xã
Long Xuyên, (An Giang)
7. current address: Lê Hữu Hiệp số 50, Mỹ
Hưng, Mỹ-Huê Hving thị xã Long Xuyên
(An Giang)

II list full name, date of birth, place of
ex-political prisoner, immediate family and
other (mother)

1. relatives to accompany with

name	DOB	POB	Sex	M/S	relationship
Nguyễn Thị Phước	1957	An Giang	F	M.	wife

• complete family (living / dead) of ex political

Relationship	Name	DOB	Address
Father	Lê Văn Vĩnh	1903	Long Xuyên, Chơ Mốt An Giang dead in 1974 in Long Xuyên
Mother	Đỗ Thị Xứng	1906	Tổ 50, Mỹ Long Mỹ Hòa Hưng thị Xã Long Xuyên An Giang, living

III Relatives outside Vietnam:

1. closest relative in the US: PHAT TÂN NGUYỄN

2. closest relative in other foreign:

Đà Phan Giang Sang

M^{me} T.Đ. Kim Châu

SYDNEY

USA

IV Have you submitted the application for
family reunification until now: none

- reply from Bangkok ODP relative the ODP
Bangkok L.OI: - none.

V Comment Remark:

1. Due to the political and social circumstances we
have a lot of difficulties with our life and no
clear future and my family.

2. Due to the difficulty and my situation and based
on the authority of your organisation and the
spirit of humanisation act, I wish to request
your assistance and intervention with the
government of the Socialist Republic of Viet-
nam in order that by family and I may
be authorised to leave Vietnam by your
arrangement and protection under the ODP
to emigrate to the USA for purpose of
seeking a new life.

Signature

Date:

3. ADDITIONAL REMARKS WITH THE QUESTIONNAIRE

I Time of service with the R.VN.A.F.

(Date from - to) - last military unit
and name of commanding officer.

- May 25 1968 - August 1968

Reserve officer candidates Quang Trung
Training Center, first period.

- August 1968 - November 1968

Reserve officer candidates Thu² Duc
Reserve officer school, second period
ended of the session 3/1968

Commander: Brigadier General LAM Quang
THO

- November 1968 - December 1968

Political officer Binh Tay Hamlet, sections
cho lon Saigon.

Commander: Major Nguyen Sam Hai

- December 1968 - July 1970.

Intelligence officer Lien Doi H/HQ KBC H280

Commander: Captain Do Nien Dien

Commander G2: Major Ho Van Anh

Chief of province: Colonel Nguyen Sam Man

- July 1970 - October 1970: first lieutenant

studying class intelligence military base

HQ/70 at Cay Mai intelligence army school

cho lon - Saigon.

Commander: lieutenant colonel Nguyen

Vinh Thiep.

- October 1970 - 1972: first lieutenant,

intelligence officer LH/HQ KBC H280

Commander: Captain Nguyen Ty.

- 1972

- April 1974: second lieutenant

section chief S2. H39 Battalion. KBC H280.

Chief of province: Colonel Nguyen Sam Man

- April 1974 - March 1975: company commander

31531 Battalion Chuong Thien Province

Commander: Captain Nguyen Sam Hung

Chief of province: Ho Ngoc - Cam

- March 1975 - April 30, 1975

Chief of section S2, Kien Hung section

TIME of REEDUCATION :

1. Time in REEDUCATION : - eight years, nine months eleven days (8 years, 0 month, 11 days) = central camp 7 years, 9 month, 11 days + one year, 0 month, 11 days prisoned at house.

DATE : May first 1975 - to April 20. 1983

- May 1. 1975 - July 1975 in go quao (Viên Hưng) central prison Bach gia province.
- July 1975 - August 1975 great prison Bach gia province
- August 1975 - October 1975 u minh REEDUCATION camp in Bach gia
- October 1976 - May 1977 Chi Lang REEDUCATION camp in Chau Doc.
- May 1977 - December 25. 1979 Viên Đao REEDUCATION camp in Cai Lay My Tho province.
- December 25. 1979 transferred to central
- December 25. 1979 - April 9. 1982 Viet-Nam Xuyen Moc REEDUCATION camp in Dong Nai province.
- April 9. 1982 released myer, made ~~prisoner~~ camp in Dong Nai province.
- April 9. 1982 - April 20 1983 prisoned at house

my address : 50, My Tong, My Hoa Hung Thi xa Tong Xuyen (Hoi - Giang)

to emalesee at home : my profession : planter

- April 20. 1983 - October 30. 1989

my profession : planter, practice

eastern medicine at My Hoa Hung in a form private (no certificate medicine)

October 30. 1989 stoped to be forbidden

to practice eastern medicine

Reason : my family is seed difficulty

- October 30 1989. So far

my profession : planter.

please list here all documents attached to
this questionnaire

1. photocopy of socialist Republic Vietnam
decision of liberation No: 71/ab & ac/82
2. photocopy of marriage certificate
no: 17MH²
3. a birth of mine and my wife
4. photo of mine and wife
5. export of paper of Vietnam Socialist
Republic.

Số : 72 /QĐ.GQC/32

NOI CHUP
CHI NHÁNH DỊCH VỤ
XUẤT NHẬP CẢNH TẠI HẬU GIANG

QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUẢN CHẾ

Căn cứ vào Sắc lệnh 175/SL ngày 18/8/1953 của Phủ Chủ
Tịch Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Về việc quản chế và giải quản
chế cho các loại đối tượng.

Căn cứ vào : Giấy trả tự do số : 212 Ngày 9 tháng 4 năm 1980
của Trại cải tạo Xuyên Mộc Đối với : Lê Hữu Hiệp
Can tội : Trộm cắp - Sĩ quan tìm tảo

Căn cứ vào biên bản xét đề nghị giải quản chế của chính
quyền, đoàn thể Phường (Xã) Lý Hòa Hưng Đối với Anh (Chị) :
Lê Hữu Hiệp có thái độ chấp hành tốt lệnh quản chế và tích
cực lao động cải tạo.

NAY CÔNG AN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG XUYỀN TỈNH AN GIANG

(1) CHỖ ĐI ĐI

ĐIỀU I : Giải quản chế : Lê Hữu Hiệp Năm sinh : 1945
Sinh quán : An Giang
Trú quán : V. Long - Lý Hòa Hưng - Long Xuyên - An Giang
Nghề nghiệp :

ĐIỀU II : Kể từ ngày 20 tháng 4 năm 1980 Trở đi : Lê Hữu Hiệp
được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ công dân.

ĐIỀU III : Công An Phường (Xã) : Lý Hòa Hưng và Anh (Chị) :
Lê Hữu Hiệp chịu quyết định thi hành.

LONG XUYỀN, ngày 15 tháng 8 năm 1980
TRƯỞNG CÔNG AN THỊ XÃ LONG XUYỀN



Trưởng Công An NGUYỄN HOÀNG KHANH

Tỉnh, Thành phố
AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Quyển số I/KY

Số 17 MH2

Quận, Huyện:

TH. XÃ LONG XUYEN

Xã, Phường

MỸ HÒA HƯNG

CHỨNG NHÂN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ NGUYỄN THỊ PHUOC

Sinh ngày 19 5 7

Quê quán Xã Thạnh Xuân (Châu Thành)

Nơi đăng ký thường trú Ấp Xẻo Cao

Xã Thạnh Xuân, Châu Thành (Hg) - 50, Mỹ Hòa Hưng

Nghề nghiệp Nội trợ

Dân tộc Kinh Quốc tịch VIỆT-NAM

Số CMND hoặc Hộ chiếu 360.695.695

Họ và tên người chồng LE THU HIẾP

Sinh ngày 10 - 07 - 1945

Quê quán Mỹ Hòa Hưng

Nơi đăng ký thường trú Mỹ Long T0

50, Mỹ Hòa Hưng

Nghề nghiệp làm nghề y d. dân tã

Dân tộc Kinh Quốc tịch VIỆT-NAM

Số CMND hoặc Hộ chiếu 350814.418

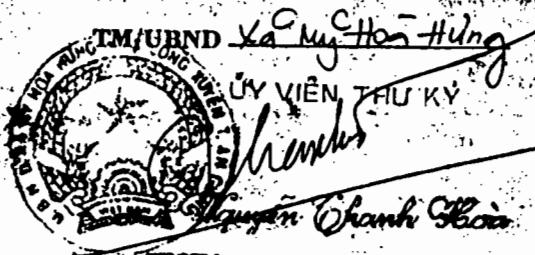
Kết hôn ngày 22 tháng 11 năm 1989

Chữ ký người vợ

val

Chữ ký người chồng

Hiệp



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Mỹ-Hòa-Hung

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh Angiang

(NAM PHẦN)

(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1945

(Année)

SỐ HIỆU 54 ~~XXXXXX~~

(Acte No)

Tên, họ đứa con nít	Vụ số : 997-DX	Ngày 7-9-1962
(Nom et prénom de l'enfant)	Tòa HÒA	Ankiang, xử về việc
Nam, nữ	Nguyên-đơn trong phiên nhóm công khai	
(Sexe de l'enfant)	đã tuyên bản-án như sau :	
Sinh ngày nào	BẢN - ÁN - TÒA - ÁN	
(Date de naissance)		
Sinh tại chỗ nào		
(Lieu de naissance)		
Tên, họ cha	BỒI CÁC LỄ ẤY ,	
(Nom et prénom du père)	Phán rằng :	
Cha làm nghề gì	Là-Huân-Hiệp, nam, sinh ngày 10-7-1945	
(Sa profession)	tại xã Mỹ-Hòa-Hung Angiang là con của	
Nhà cửa ở đâu	Là-văn-Kính và Đỗ-thị-Xung.	
(Son domicile)		
Tên, họ mẹ		
(Nom et prénom de la mère)		
Mẹ làm nghề gì	Phán rằng án này thế vì khai sanh cho	
(Sa profession)	trên .	
Nhà cửa ở đâu		
(Son domicile)		
Vợ chánh hay thứ	Trích đăng-Y	
(Son rang de femme mariée)	Longxuyen, ngày 9-2-1963	
	CHÁNH LỤC-SỰ	

An ký:

Bùi-Quang-Nam
Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Chúng tôi _____
(Nous)

Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp - pháp của ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông _____
(M.)

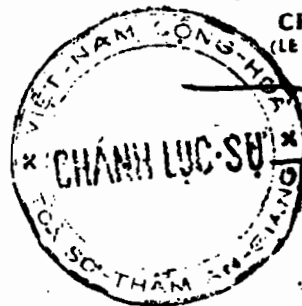
Chánh Lục-Sự Tòa Sơ tại.
(Greffier du Tribunal de première instance)

ngày 19

CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)

Ankiang, ngày 13-11-79 1971

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



-TRẦN- BÀ-THẾ-

Giá tiền: 15\$00

(Cout)

Biên lai số 2607

(Quittance No)



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Nguyễn Thị Phước Nam hay Nữ NữNgày, tháng, năm sinh 1957(Một ngàn chín trăm năm mươi bảy)Nơi sinh Xã Thành Hòa Huyện Phụng Hiệp Hải PhòngDân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Hai</u>	<u>Nguyễn Văn Trường</u>
Tuổi	<u>1929</u>	<u>1927</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>ấp xã Cao Xá TX</u>	<u>ấp xã Cao Xá TX</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn Văn Trường 1927 ấp xã Cao Xá Thành
Xuân Huyện Hải Phòng

Đăng ký ngày..... tháng..... năm 19.....

Người đứng khai ký

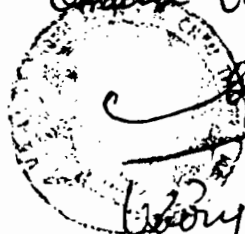
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Đã ký
V. Trường

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 02 tháng 03 năm 90

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

Chánh Văn phòngTrưởng Ban Dân

CÔNG AN TỈNH ANGIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG QUẢN LÝ XNC ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Số: 49/3 **NOI CHỨNG NHẬN**
CHÍNH HÀNH DỊCH VỤ
XUẤT NHẬP CẢNH TẠI HẬU GIANG

PHÒNG QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Có nhận của Ông, Bà

Lê Hữu Hợp

Sinh năm

1945

Nộp số tiền

16.000\$ (Mười sáu ngàn đồng)

ĐC: P. 50 Ng. Long - Ng. Hòa Hưng - T. 1-2

Về việc

liệu nhân họ - S. xin xuất cảnh
Đanli (Viện Quân Nhân)

Hậu Giang, ngày 20 tháng 5 năm 1990

TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI NHẬN



[Signature]

[Signature]

Mai Thu Loan

[Signature]